

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HN-ST

Ngày: 04 - 7 - 2019

V/v “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG TỈNH TRÀ VINH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Diệu Trang

2. Ông Nguyễn Hữu Phước

-Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Sa Rên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2019/TLST-HN, ngày 31 tháng 5 năm 2019. Về “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2019/QĐXXST-HN ngày 18 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lâm Thị X, sinh năm 1989. Địa chỉ: ấp N, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Bị đơn: Anh Thạch Đ, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp N, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lâm Thị X trình bày: Chị với anh Thạch Đ do quen biết, tìm hiểu nhau được gia đình hai bên đồng ý xác lập hôn nhân 2008, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và

có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nữ trang có đôi bông tai nặng 01 chỉ vàng 24Kra, vợ chồng đã thống nhất bán hiện không còn.

Sau khi cưới thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2013 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, bất đồng quan điểm sống và trong việc làm ăn, anh Đ thường xuyên cờ bạc và có nhiều mối quan hệ trai gái bên ngoài, từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, đến tháng 6/2013 chị đã bỏ nhà lên thành phố Hồ Chí Minh làm và vợ chồng đã ly thân nhau cho đến nay không ai liên lạc ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng hàn gắn không hạnh phúc, chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Có 01 người con tên Thạch C, sinh 21/10/2009; hiện đang sống với anh Đ. Khi ly hôn, chị X yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của con muốn sống với cha hay với mẹ đều được; nếu con sống với chị thì chị đồng ý nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng; nếu con sống với anh Đ thì chị đồng ý giao anh Đ nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng.

Về tài sản chung; Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị X xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06 tháng 6 năm 2019 bị đơn anh Thạch Đ trình bày: Anh với chị Lâm Thị X do tìm hiểu nhau được gia đình hai bên đồng ý đi đến hôn nhân năm 2008, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nữ trang cưới có đôi bông tai nhưng lúc sống chung vợ chồng đã bán, hiện không còn.

Sau khi cưới vợ chồng sống bên nhà anh Đ, thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, chị X đã bỏ nhà đi từ năm 2013 và cũng từ đó vợ chồng không liên lạc gì với nhau cho đến nay. Nay anh không còn tình cảm gì với chị X hàn gắn không hạnh phúc, anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị X.

Về con chung: Có 01 người con tên Thạch C, sinh 21/10/2009; từ khi chị X bỏ đi tới nay con hiện đang sống với anh. Khi ly hôn, anh Đ yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của con muốn sống với cha hay với mẹ đều được; nếu con sống với anh thì anh đồng ý nuôi dưỡng và không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng; nếu con sống với chị X thì anh đồng ý giao chị X nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng.

Về tài sản chung; Về nợ chung phải thu, phải trả: Anh Đ xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06 tháng 6 năm 2019 cháu Thạch C trình bày: Cháu là con ruột của anh Thạch Đ và chị Lâm Thị X, hiện tại cháu đang sống với anh Đ, nguyện vọng cháu muốn được tiếp tục sống với anh Đ.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long trình bày quan điểm

cho rằng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm này thẩm phán đã chấp hành đúng quy định theo Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn và bị đơn mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt là chưa thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị Kiểm sát viên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 51, 53, 54, 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị X; Về quan hệ hôn nhân cho chị X và anh Đ được ly hôn; Về con chung cháu Thạch C, 21/10/2009 giao anh Đ được quyền trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng do anh Đ không yêu cầu đề nghị không xem xét; Về tài sản chung và về nợ chung phải thu phải trả không yêu cầu giải quyết đề nghị không xem xét; Về án phí đương sự có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật, trừ trường hợp không nộp hoặc miễn nộp.

Tại phiên tòa hôm nay chị Lâm Thị X là nguyên đơn, anh Thạch Đ là bị đơn; tất cả vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ. Tòa án nhân dân huyện Càng Long nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị X khởi kiện yêu cầu ly hôn và quyền nuôi con với anh Đ. Đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị X và anh Đ có nơi cư trú (chỗ ở) tại ấp N, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của

Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Càng Long có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn: Chị X và anh Đ vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung:

[4]. Chị X và anh Đ đều trình bày thống nhất xác lập quan hệ hôn nhân từ năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 28/4/2008 đúng quy định của pháp luật. Đây là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, từ đó xác định hôn nhân giữa chị X với anh Đ là hôn nhân hợp pháp.

[5]. Xét về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo chị X cho rằng do bất đồng quan điểm sống và trong công việc làm ăn, anh Đ thường xuyên cò bạc và có nhiều mối quan hệ trai gái bên ngoài, từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi, đến tháng 6/2013 chị đã bỏ nhà lên thành phố Hồ Chí Minh làm và vợ chồng đã ly thân nhau cho đến nay mạnh ai nấy sống. Theo anh Đ cho rằng do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, chị X đã bỏ nhà đi từ năm 2013 và cũng từ đó vợ chồng không liên lạc gì với nhau cho đến nay. Nay chị X và anh Đ đều xác nhận vợ chồng không còn tình cảm với nhau và đều có nguyện vọng được ly hôn; điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị X và anh Đ là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Sự tự nguyện thuận tình ly hôn của chị X và anh Đ phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cho chị X và anh Đ được ly hôn với nhau.

[6]. Về con chung: Chị X và anh Đ đều thừa nhận cháu Thạch C, sinh ngày 21/10/2009 là con chung của anh chị, hiện tại cháu đang sống với anh Đ. Khi ly hôn chị X và anh Đ thống nhất giải quyết theo nguyện vọng của cháu Thạch C. Xét thấy hiện tại cháu Thạch C đang sống với anh Đ và anh Đ vẫn chăm sóc chu đáo mọi mặt cho cháu; tại biên bản lấy lời khai ngày 06/6/2019 của Tòa án ý kiến của cháu Thạch C thể hiện nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với anh Đ. Do đó để đảm bảo cháu Thạch C có cuộc sống ổn định về tư tưởng, chỗ ở, sinh hoạt cuộc sống hằng ngày, cũng như việc đến lớp học hành. Xét thấy sau khi ly hôn nên giao anh Đ được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thạch C là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7]. Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh Đ chưa đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về tài sản chung; Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị X và anh Đ xác nhận không có, không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9]. Về án phí: Theo quy định tại Điều 12 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị X được miễn nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm do chị thuộc diện đồng bào dân tộc thiểu số sống ở các xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, nhưng do chị X không làm đơn đề nghị miễn nên chị X phải chịu án phí hôn nhân là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Anh Đ không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; 227; 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, 53, 54, 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị X.

Về hôn nhân: Chị Lâm Thị X và anh Thạch Đ được ly hôn.

2. Về con chung: Anh Thạch Đ được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Thạch C, 21/10/2009.

Sau khi ly hôn, chị Lâm Thị X được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị Lâm Thị X lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Thạch Đ có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị Lâm Thị X.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh Thạch Đ chưa đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung; Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Lâm Thị X và anh Thạch Đ xác nhận không có, không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Lâm Thị X có nghĩa vụ nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân. Đối với số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2018/ 0003640 nộp ngày 29 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Càng Long được khấu trừ vào số tiền án phí mà chị X phải chịu, do đó chị X không phải nộp.

Anh Thạch Đ không phải nộp án phí.

“Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ”.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS huyện Càng Long;
- Chi cục THADS;
- UBND xã L;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Thanh